

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST

Ngày 19-5-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phan Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tấn Phát;
2. Ông Nguyễn Văn Tới.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Cẩm Loan, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Nhiên, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 333/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, năm 1992; trú tại: Tổ 33, T, ấp K, xã M, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; có mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Đình N, sinh năm 1982; trú tại: Tổ 33, T, ấp K, xã M, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 08-11-2021, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án của nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Vào năm 2011 chị và anh Phạm Đình N tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn ngày 07-5-2012 tại Ủy ban nhân dân xã M, thị xã Tây Ninh (nay là thành phố Tây Ninh), tỉnh Tây Ninh; quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách không

hợp nhau, nhiều lần anh N đánh đập chị, mâu thuẫn ngày càng nhiều tình cảm vợ chồng không còn; từ tháng 11-2012 chị đã bỏ nhà ra ngoài thuê nhà trọ sống riêng tại khu Công nghiệp Phước Đông. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên xin ly hôn với anh Phạm Đình N.

Con chung: Có 01 cháu tên Phạm Thị Thanh T, sinh năm 2012 hiện đang sống với chị, yêu cầu được nuôi không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Phạm Đình N đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ thủ tục tố tụng nhưng vẫn không trình bày ý kiến và không đến Tòa án không có lý do nên không ghi được ý kiến trình bày. Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, tư cách pháp lý và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự; người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T đối với anh Phạm Đình N; về con chung giao cho chị T nuôi, ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng; tài sản chung và nợ chung không giải quyết; chị T phải chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Phạm Đình N vắng mặt, Tòa án đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục để bảo đảm cho việc xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T: Theo chị T khai ngày 07-5-2012 chị kết hôn với anh Phạm Đình N, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thị xã Tây Ninh (nay là thành phố Tây Ninh), tỉnh Tây Ninh là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ; quá trình chung sống hạnh phúc chỉ trong thời gian ngắn và sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm thường xuyên cãi vã nhau, nhiều lần anh N đánh đập chị, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng; đến tháng 11-2012 chị bỏ nhà ra ngoài thuê nhà trọ sống riêng tại khu Công nghiệp Phước Đông, từ đó đến nay nạnh ai nấy sống. Nay thấy tình cảm vợ chồng

không còn không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên xin ly hôn với anh N; quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh N nhưng anh N không có bản trình ý kiến và cũng không đến Tòa án. Xét thấy quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt đầy đủ hợp lệ các thủ tục tố tụng theo quy định nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do, thể hiện cho thấy anh N không có biểu hiện, động thái tích cực nào để cùng nhau giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, thuyết phục chị Trần gần đoàn tụ mỗi quan hệ vợ chồng lại với nhau; chị T và anh N không còn tình cảm với nhau, không thể chung sống với nhau được nữa, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Đối với anh Phạm Đình N.

[3] Về con chung: Có 01 cháu tên Phạm Thị Thanh T, sinh năm 2012 hiện đang sống với chị T, chị T yêu cầu được nuôi không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy quá trình giải quyết vụ án tại biên bản lấy lời khai ngày 10-12-2021 cháu Phạm Thị Thanh T có nguyện vọng được sống với mẹ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con cho chị T nuôi là phù hợp. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con; anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh trình bày ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 56; Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Đối với anh Phạm Đình N; về con chung giao cho chị T nuôi, ghi nhận chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung không giải quyết; chị T phải chịu án phí theo luật định. Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Đối với anh Phạm Đình N; chị Trần thị Được ly hôn với anh Phạm Đình N.

2. Về con chung: Giao cho chị Tnuôi cháu Phạm Thị Thanh T, sinh năm 2012; ghi nhận chị Tkhông yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con; anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Chị Tphải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000 đồng từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0000627 ngày 16-11-2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

5. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các bên được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại UBND xã (phường) nơi cư trú.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:

- PKTNV TA tỉnh;
- VKSND TPTN;
- THADS TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Phan Tuyền

